TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q.HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06.01.2023
V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thông**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Huỳnh Thanh Trà** và ông **Phạm Xoa**
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Thị Quỳnh Trang** - Kiểm sát viên.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Phan Đình Vui** - Cán bộ TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Đ-** sinh năm 1976.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Đ: Luật sư **Nguyễn Thành Đá** – Công ty Luật TNHH MTV Sông Gianh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: K574/11 Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt)*

- *Bị đơn*: Ông **Phạm Văn B** - sinh năm: 1977

Cùng nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. *(vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07.10.2022, Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là bà Trần Thị Đ và tại phiên tòa sơ thẩm Luật sư Nguyễn Thành Đá là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Đ kết hôn với ông Phạm Văn B vào ngày 29 tháng 12 năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà Đ và ông B chung sống tại địa chỉ số ***, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp, giữa vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Bản

thân ông B không tu chí làm ăn, không lo cho gia đình mà suốt ngày tụ tập nhậu nhẹt, cờ bạc nợ nần. Ông B còn thường xuyên gây sự và đánh đập bà Đ. Vào năm 2020, bà Đ có làm đơn khởi kiện ly hôn và được Tòa án thụ lý giải quyết. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, ông B có hứa hẹn sửa chữa. Đồng thời, do bà Đ thương các con còn nhỏ, bà Đ đã tạo điều kiện cho ông B một cơ hội trở thành người chồng, người cha tốt nên bà đã rút yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên kể từ đó đến nay, ông B vẫn không thay đổi. Nay bà Đ nhận thấy bản thân đã không còn tình cảm yêu thương với ông B nữa, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn B.

- Về con chung: Bà Trần Thị Đ và ông Phạm Văn B có 03 con chung tên là Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 24.4.2006; Phạm Gia A và Phạm Gia H cùng sinh ngày 07.02.2011.

Ly hôn, bà Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Không yêu cầu ông Phạm Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Đ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn - Bà Trần Thị Đ không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Văn B vắng mặt không có lý do về việc nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung có tranh chấp trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, Đại diện Viện kiểm sát xác định, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng quy định của pháp luật. Việc bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81,82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Trần Thị Đ đối với ông Phạm Văn B.

- Về con chung: Giao 03 con chung là Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 24.4.2006; Phạm Gia A và Phạm Gia H cùng sinh ngày 07.02.2011 cho bà Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn B không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Đ có đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung đối với ông Phạm Văn B. Bị đơn là ông Phạm Văn B có nơi cư trú trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã cấp, tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là ông Phạm Văn B. Tuy nhiên, ông Phạm Văn B đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa, ông Phạm Văn B vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Phạm Văn B kết hôn với nhau vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, Đ bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị Đ vẫn cương quyết xin được ly hôn. Theo bà Đ, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông B tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông B thường xuyên tụ tập uống bia rượu, say xỉn, cờ Bc dẫn đến nợ nần. Mặt khác, ông B còn thường xuyên gây chuyện và đánh đập bà. Vào năm 2020, bà Đ đã khởi kiện ly hôn ra Tòa nhưng trong quá trình giải quyết, ông B hứa hẹn sẽ sửa chữa, thay đổi nên bà đã rút đơn vì mong muốn hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, đến nay ông B vẫn không thay đổi, vẫn không có trách nhiệm với gia đình, vợ con.

Về phía ông Phạm Văn B, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ nhưng ông B đều vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông B tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do thể hiện ông B không có thiện chí và không mong muốn đoàn tụ gia đình với bà Đ.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà Trần Thị Đ và ông Phạm Văn B tại địa phương, qua Biên bản xác minh ngày 04/11/2022 thể hiện: *"Tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông B tại địa phương thấy có mâu thuẫn. Trước đây, giữa bà Đ và ông B có gây gổ, gia đình bà Đ có điện thoại trình báo Công an phường và Công an phường đã mời ông B về trụ sở làm việc"*

Xét thấy, lời trình bày của bà Trần Thị Đ về tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông B là có cơ sở, mâu thuẫn giữa hai người đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Đ và ông Phạm Văn B.

[3.2] Về con chung: Bà Trần Thị Đ xác nhận có 03 con chung là: Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 24.4.2006; Phạm Gia A và Phạm Gia H cùng sinh ngày 07.02.2011.

Ly hôn, bà Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi giải quyết cho ly hôn thì việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải Đ bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con chưa thành niên và xét nguyện vọng của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Phạm Văn B đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến, nguyện vọng về việc nuôi con chung. Qua xác minh tại địa phương, thể hiện: *"Tại địa phương chỉ thấy một mình bà Đ lo lắng việc học hành và chăm sóc cho B người con còn ông B hay nhậu nhẹt, không quan tâm đến các con"*. Như vậy, có cơ sở để xác định ông Phạm Văn B là người thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Về phía bà Trần Thị Đ, có công việc, thu nhập ổn định có đầy đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cả 03 con chung hiện đang sống ổn định cùng bà Đ; tại bản trình bày ý kiến ngày 14.11.2022, cả 03 cháu đều có nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ (bà Đ) trong trường hợp cha, mẹ ly hôn vì lý do bà Đ là người chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu từ nhỏ. Ông B hay uống bia say, không chăm lo cho gia đình, ngó lơ cảm xúc của các cháu và hay đe dọa, có những hành vi, cử chỉ, lời nói bạo lực gây ám ảnh, sợ hãi cho các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cả 03 con chung là Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 24.4.2006, Phạm Gia A và Phạm Gia H cùng sinh ngày 07.02.2011 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà Đ không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Đ xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4]. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trần Thị Đ phải chịu;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"* của bà Trần Thị Đ đối với ông Phạm Văn B.

Xử :

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 24.4.2006, Phạm Gia A và Phạm Gia H cùng sinh ngày 07.02.2011 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Phạm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Đ phải chịu là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp tại biên lai thu số 0006213 ngày 13.10.2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. Bà Đ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Tr-êng hîp QuyÕt ®Þnh thi hµnh theo quy ®Þnh t¹i §iÒu 2 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù th× ng-êi ph¶i thi hµnh ¸n d©n sù cã quyÒn tháa thuËn thi hµnh ¸n, quyÒn yªu cÇu thi hµnh ¸n, tù nguyÖn thi hµnh ¸n hoÆc bÞ c-ìng chÕ thi hµnh ¸n theo quy ®Þnh t¹i c¸c §iÒu 6, 7 vµ 9 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù; thêi hiÖu thi hµnh ¸n ®-îc thùc hiÖn theo quy ®Þnh t¹i §iÒu 30 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù.

Nơi nhận:

- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND phường Thạch Thang*

Số 194, Quyển số I/2005;

- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Thông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**